TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – ĐÀ NẴNG** ---	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ---

Số: 03/2026/QĐCNTTLH

Đà Nẵng, ngày 05 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các Điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của bà Võ Thị L và ông Lê Văn T.

Sau khi nghiên cứu:

Đơn yêu cầu đề ngày 15 tháng 12 năm 2025 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*" của bà Võ Thị L và ông Lê Văn T;

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 18 tháng 12 năm 2025 về việc công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*:

1. **Bà Võ Thị L**, sinh năm 1997, địa chỉ: Thôn N, xã P, thành phố Đ.
2. **Ông Lê Văn T**, sinh năm 1992, địa chỉ: Thôn P, xã P, thành phố Đ.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 18 tháng 12 năm 2025 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Võ Thị L và ông Lê Văn T.

1.2. Về con chung: Sau khi ly hôn ông Lê Văn T là người trực tiếp, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Lê Quang H, sinh ngày 27/12/2017 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Ông Lê Văn T không yêu cầu bà Võ Thị L đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Võ Thị L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Khi có lý do chính đáng các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các bên tham gia hòa giải;
- VKSND khu vực 11-Đà Nẵng;
- UBND xã Phú Thuận;
- Phòng THADS khu vực 11-ĐN;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

ALăng Ping